TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2022/DS-PT

Ngày 23 - 5 - 2022

V/v tranh chấp "Thừa kế tài sản, đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Đỗ Phước Thành – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 19 và 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp "Thừa kế tài sản, đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2021/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Kim Q, chết ngày 20/3/2017;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Kim Q:

1.1 Bà Trần Thị Mỹ Ph1, sinh năm 1960 (Có mặt);

Nơi cư trú: số 530/4A, khóm Tây Huề 2, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

1.2 Bà Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: số 644/5, tổ 29, khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bà Ph1 và bà L1: Ông Trần Danh M, sinh năm 1951, nơi cư trú: số 30-31, khóm Đông An 6, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/01/2022 và ngày 27/4/2022 (Có mặt);

1.3 Ông Trần Thanh S, sinh năm 1964 (Có mặt);

Cùng cư trú: số 644/5, tổ 29, khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

1.4 Ông Trần Thành Đ, sinh năm 1970 (Có mặt);

Nơi cư trú: số 76, tổ 142, khóm Đông Thịnh 8, phường M P, thành phố LX, tỉnh AG.

1.5 Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1974 (Có mặt);

Nơi cư trú: số 530/9, khóm Tây Huề 2, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1964 (Có mặt);

Nơi cư trú: số 644/5, tổ 29, khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Lâm Thanh là Luật sư của Công ty Luật TNHH một thành viên Lâm Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Trần Thành Đ, sinh năm 1970 (Có mặt);

3.2 Bà Nguyễn Bích Th, sinh năm 1975 (Có mặt);

Cùng cư trú: số 76, tổ 142, khóm Đông Thịnh 8, phường M P, thành phố LX, tỉnh AG.

3.3 Bà Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: số 644/5, tổ 29, khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bà L1: Ông Trần Danh M là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2022 (Có mặt);

3.4 Ông Nguyễn Việt C, sinh năm 1970 (Có mặt);

3.5 Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1975 (Có mặt);

3.6 Anh Nguyễn Thành Kh, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt);

3.7 Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt);

3.8 Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 2002 (Xin vắng mặt);

Cùng cư trú: số 581/9A, tổ 13, khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

3.9 Ông Trần Quốc Th1, sinh năm 1962 (Xin vắng mặt);

Nơi cư trú: số 155/4, đường Bùi Văn Danh, khóm Đông An 2, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

3.10 Ông Trần Thái T, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt);

3.11 Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt);

Cùng cư trú: số 6B, đường Hùng Vương, khóm 2, phường M L, thành phố LX, tỉnh AG.

3.12 Ông Trần Văn M1, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: số 644/5, tổ 29, khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

3.13 Ông Trần Văn D1, sinh năm 1964 (Xin vắng mặt);

Nơi cư trú: số 04, ấp Kiến Thuận 1, xã KT, Huyện CM, tỉnh AG.

3.14 Ông Phan Văn D1, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt);

3.15 Ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: số 597, ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3.16 Bà Trần Thị Mỹ Ph1, sinh năm 1960.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ Ph1: Ông Trần Danh M là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/01/2022 (Có mặt);

3.17 Ông Trần Đình Ch, sinh năm 1960 (Có mặt);

3.18 Anh Trần Thanh Ph2, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt);

3.19 Anh Trần Anh Ph3, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt);

3.20 Chị Nguyễn Kim Nhàn, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt);

Nơi cư trú: số 530/4A, khóm Tây Huề 2, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

3.21 Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1974 (Có mặt);

3.22 Anh Phạm Tấn Thành, sinh năm 1998 (Xin vắng mặt);

3.23 Cháu Phạm Mỹ Hạnh, sinh năm 2004 do bà Trần Thị Mỹ D đại diện theo pháp luật (Có mặt).

Cùng cư trú: số 530/9, khóm Tây Huề 2, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

3.24 Bà Phan Thị Mỹ Ph1, sinh năm 1972 (Có mặt);

3.25 Cháu Trần Thị Cẩm Gi, sinh năm 2006;

3.26 Cháu Trần Văn L, sinh năm 2008;

Các cháu Gi, L do ông S, bà Ph1 là người đại diện theo pháp luật.

Cùng cư trú: số 644/5, tổ 29, khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

3.27 Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn (Vắng mặt);

Địa chỉ: đường Hùng Vương, ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3.28 Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 99, đường Nguyễn Thái Học nối dài, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

3.29 Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh An Giang (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 05, đường Lê Hồng Ph2, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Mỹ Ph1, ông Trần Thành Đ, bà Trần Thị Mỹ D, bà Trần Thị Mỹ L1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nguyên đơn và ông Trần Thanh S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là cụ Nguyễn Kim Q (Đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Trần Thị Mỹ Ph1 và bà Trần Thị Mỹ L1 ủy quyền cho ông Trần Danh M, ông Trần Thành Đ, bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Cụ Nguyễn Kim Q, chết năm 2017 và cụ Trần Văn Liêm, chết năm 2005 lúc còn sống có tạo lập các tài sản gồm:

Tài sản 1: (Nhà và đất phủ thờ) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 03/02/2020 thể hiện tổng diện tích đất di sản là 1.004,5m^2 (sau khi tỉnh lộ 943 đã nâng cấp). Trong đó, diện tích 927m^2 có hai căn nhà trên đất: nhà số 1 có diện tích 153,2m^2, căn nhà 2 có diện tích 259,2m^2 và 01 nhà vệ sinh, nhà và đất do ông S quản lý sử dụng. Đồng thời, 77,4m^2 đất có căn nhà của ông C, bà Ng với diện tích (66,2m^2 – 3,9 + (13,6m^2 – 7,3 m^2)) 68,6m^2.

Tài sản 2: Về tiền bồi thường, khi tỉnh lộ 943 nâng cấp có thu hồi, bồi thường đất và vật kiến trúc với tổng số tiền 866.115.946 đồng, ông S đã nhận từ Trung tâm phát triển quỹ đất số tiền 253.500.000 đồng, số tiền còn lại Kho Bạc đang quản lý là 612.615.946 đồng.

Tài sản 3: (Đất 2L) Theo bản vẽ xác định diện tích do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn lập ngày 23/01/2013 thể hiện tổng diện tích đất di sản là 31.055m^2 trị giá 931.650.000 đồng. Phần đất này là đất 2 lúa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01780 QSDĐ/hA do UBND huyện Thoại Sơn cấp ngày 10/01/2002 cho cụ Trần Văn Liêm, hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông S giữ nhưng do ông Ch, bà Ph1 canh tác và cho người khác thuê lại.

Tài sản 4: Phần đất ông C ở nhờ có diện tích 77,4m^2 có căn nhà của ông C, bà Ng với diện tích 68,6m^2. Ông C thừa nhận ở nhờ trên đất của ông Liêm, bà Qưới nên có trách nhiệm trả đất hoặc giá trị đất để chia thừa kế.

Ngoài ra, còn có căn nhà tạm 83,7m^2 gắn liền với phần đất diện tích 166,7m^2, phần đất này nằm trong hành lang sông rạch. Các đương sự không tranh chấp nhà và đất này vì nằm trong phạm vi lấn chiếm hành lang sông rạch.

Cụ Liêm, chết năm 2005 không để lại di chúc, cụ Q sau khi khởi kiện yêu cầu chia thừa kế cũng đã chết năm 2017. Cụ Q để lại 02 di chúc, Di chúc thứ nhất ngày 28/12/2007 do cụ Q ký tên, lăn tay có nội dung để lại di sản cho ông S nhà và đất khoảng 656m^2 và phần đất diện tích 35.433m^2 (đo đạc thực tế là 31.055m^2), di chúc này có hai người làm chứng và có xác nhận của ấp Sơn Hòa; Di chúc thứ hai ngày 12/10/2009 do cụ Q ký tên, lăn tay và có chứng thực của UBND phường Mỹ Hòa ngày 13/10/2009 có nội dung nhà để lại cho ông S và bà Ph1, nếu Nhà nước có bồi thường thì ông S và bà Ph1 chia đều nhau; đối với đất 2 lúa do cụ Liêm đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 35.433m^2 di chúc chia cho ông S 10.000m^2; ông Đ 10.000m^2; bà L1 10.000m^2; bà D 5.433m^2.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Q yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ Liêm và chia thừa kế theo di chúc đối với di sản của cụ Q để lại theo ý nguyện của di chúc năm 2009, không thống nhất chia theo di chúc năm 2007.

Bị đơn là ông Trần Thanh S trình bày:

Ông S thống nhất yêu cầu chia thừa kế các di sản nêu trên và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc do cụ Qưới lập năm 2007.

Ngoài ra, ông S tranh chấp đòi tài sản phần đất diện tích 1.246,3m^2 đối với ông Ch và bà Ph1. Theo Bản trích đo hiện trang khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 22/11/2012 thể hiện tổng diện tích đất là 1.246,3m^2, phần đất này đã được UBND thành phố Long Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00245 QSDĐ/Af cho ông Trần Đình Ch ngày 07/8/2002. Phần đất này khi cha mẹ còn sống cho ông bằng miệng, nay ông yêu cầu ông Ch, bà Ph1 có trách nhiệm trả lại cho ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ch.

Ông S rút lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 15.461m^2, tọa lạc tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ch, bà Ph1 (không phải 22.000m^2 như ông S trình bày trước đây).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Việt C trình bày: Ông không chấp nhận trả lại phần đất như yêu cầu khởi kiện của ông S, vì ông đã cất nhà trên đất và ở ổn định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã tuyên xử:

1. Xác định những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Liêm và cụ Nguyễn Kim Qưới, con ruột gồm Trần Thị Mỹ Ph1, Trần Thanh S, Trần Thị Mỹ Hiệp chết – thừa kế thế vị Trần Thị Mỹ L1; con nuôi gồm Trần Thành Đ và bà Trần Thị Mỹ D.

2. Xác định tài sản thừa kế của cụ Trần Văn Liêm và cụ Nguyễn Kim Qưới là giá trị quyền sử dụng đất thổ cư và cây lâu năm là 2.194.866.000 đồng; nhà là 476.528.200 đồng; đất hai lúa là 931.650.000 đồng; số tiền bồi thường do nâng cấp tỉnh lộ 943 là 866.115.946 đồng; giá trị đất ông C có trách nhiệm hoàn trả là 12.229.200 đồng;giá trị nhà vệ sinh 22.907.400 đồng. Tổng cộng: 4.504.296.746 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của cụ Nguyễn Kim Qưới (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Ph1, S, Đ, D, L1). Tuyên bố di chúc ngày 13/10/2009 của cụ Qưới có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ Q, vô hiệu đối với phần tài sản của cụ Liêm mà cụ Q định đoạt trong di chúc.

4. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị Mỹ Ph1 về việc chia thừa kế số tiền bồi thường khi nâng cấp tỉnh lộ 943 và chia thừa kế số tiền này.

5. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh S. Buộc ông Nguyễn Việt C có trách nhiệm trả giá trị 77,4m^2 đất là 12.229.200 đồng và chia thừa kế số tiền này.

Ông C được tiếp tục quản lý, sử dụng 77,4m^2 được giới hạn bởi các điểm 7-8-21-77-68-67-66-65 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 03/02/2020.

6. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần Thanh S về việc đòi ông Ch, bà Ph1 có trách nhiệm trả lại phần đất có diện tích 1.246,3m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ch.

7. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông S về việc rút yêu cầu, không tranh chấp đối với phần đất 22.000m^2, tọa lạc tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

8. Những người có tên được hưởng tài sản thừa kế, cụ thể như sau:

8.1 Tài sản 1 (Đất có giá trị 2.194.866.000 đồng, nhà có giá trị 476.528.200 đồng, nhà vệ sinh có giá trị 22.907.400 đồng).

8.1.1 Ông Trần Thanh S được nhận nhà và đất (phủ thờ) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Long Xuyên lập ngày 03/02/2020 có diện tích 927,0 m^2 (đã khấu trừ 77,4 m^2 ông C quản lý sử dụng nêu trên), trên đất có hai căn nhà: nhà số 1 có diện tích 153,2m^2, căn nhà 2 có diện tích 259,2m^2.

8.1.2 Ông S có trách nhiệm hoàn trả giá trị:

- Ông S có trách nhiệm hoàn trả cho bà Ph1 613.775.660 đồng;

- Ông S có trách nhiệm hoàn trả cho các ông bà L1, Đ, D mỗi người 488.916.760 đồng;

9. Tài sản 2 (có giá trị 866.115.946 đồng, ông S đã nhận bồi thường 253.500.000 đồng, kho bạc còn giữ 612.615.946 đồng).

9.1 Giá trị:

Phần cụ Liêm được chia theo pháp luật cho 05 người thừa kế, cụ thể: 433.057.973 đồng/5 = 86.611.594 đồng.

Phần cụ Q chia theo di chúc 433.057.973 đồng/2 = 216.528.986 đồng.

9.2 Số tiền được nhận:

Số tiền 612.615.946 đồng kho bạc đang quản lý. Ông S được nhận 49.640.580 đồng; bà Ph1 được nhận 303.140.580 đồng; ông Đ, bà D, bà L1 mỗi người nhận 86.611.594 đồng.

10. Tài sản 3: đất lúa có giá trị 931.650.000 đồng.

Ông Trần Thanh S được nhận 31.055 m^2, đất 2 lúa theo bản vẽ xác định diện tích ngày 23/01/2013 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn.

Ông S có trách nhiệm trả cho Đ, D, L1 mỗi người 209.621.250 đồng; hoàn trả cho bà Ph1 93.165.000 đồng.

Như vậy:

- Ông S phải hoàn trả cho bà Ph1 (613.775.660 đồng + 93.165.000 đồng) 706.940.660 đồng.

- Ông S phải hoàn trả cho các ông bà Đ, D, L1 mỗi người: (488.916.760 đồng + 209.621.250 đồng) 698.538.010 đồng.

11. Tài sản 4 (Đất ông C ở nhờ) diện tích 77,4m^2 có giá trị 12.229.200 đồng. Ông C phải trả cho các đồng thừa kế S, Ph1, Đ, D, L1 mỗi người 2.446.000 đồng.

12. Bản trích đo hiện trạng ngày 03/02/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên và bản vẽ xác định diện tích ngày 23/01/2013 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn là 01 phần không tách rời của bản án.

13. Ông S, ông C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

14. Chi phí tố tụng: Các đương sự tự nguyện nộp.

15. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh S phải nộp 45.869.500 đồng án phí thừa kế, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005073 ngày 12/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông S phải nộp 45.569.500 đồng.

Bà Trần Mỹ Ph1 phải nộp 42.376.000 đồng, được trừ vào 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005074 ngày 12/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Ph1 phải nộp thêm 36.126.000 đồng.

Ông Trần Thanh Đ phải nộp 35.504.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Mỹ D phải nộp 35.504.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Mỹ L1 phải nộp 35.504.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Việt C phải nộp 611.500 đồng.

Các ông bà Ph1, S, Đ, D, L1 được nhận lại 200.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 002391 ngày 06/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 3 năm 2021 bà Trần Thị Mỹ Ph1, bà Trần Thị Mỹ L1, ông Trần Thành Đ, bà Trần Thị Mỹ D nộp Đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại một phần Bản án số 49/2021/DS-ST ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đối với phần đất diện tích 31.055m^2 được chia cho 5 anh em mỗi người được nhận diện tích 6.211m^2 để canh tác nuôi sống gia đình.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 ông Trần Thanh S kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết các vấn đề sau: Xin được chia thêm phần công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản nhà đất nguyên vẹn mà chưa được cấp sơ thẩm giải quyết thỏa đáng, xin được xem xét phần bảo quản khoản tiền đền bù đất; Do ông Nguyễn Việt C có đất ở nơi khác và cam kết trả đất nên xin sửa phần xử của cấp sơ thẩm và xin được định giá lại nhà và đất của ông C.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn là ông Trần Thanh S: Đối với phần đất diện tích 77,4m^2 do ông C ở nhờ trên đất của cụ Liêm và cụ Q phía ông C thừa nhận, ông S đồng ý giao đất cho ông C sử dụng và ông C phải giao lại số tiền 361.845.000 đồng để chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Về phần đất ruộng diện tích 30.935m^2 ông S đồng ý giao đất cho các thừa kế sử dụng nên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 02 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án số 49/2021/DS-ST ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến:

Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị căn cứ khoản 02 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án số 49/2021/DS-ST ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên:

1. Xác định những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Liêm và cụ Nguyễn Kim Qưới: con ruột gồm Trần Thị Mỹ Ph1, Trần Thanh S, Trần Thị Mỹ Hiệp chết – thừa kế thế vị Trần Thị Mỹ L1; con nuôi gồm Trần Thành Đ và bà Trần Thị Mỹ D.

2. Xác định tài sản thừa kế của cụ Trần Văn Liêm và cụ Nguyễn Kim Q là 02 căn nhà + nhà vệ sinh trị giá 449.435.600 đồng gắn liền với phần đất diện tích 927m^2 trị giá 2.194.866.000 đồng; phần đất ruộng diện tích 30.935m^2 trị giá 928.050.000 đồng; số tiền bồi thường do nâng cấp tỉnh lộ 943 là 866.115.946 đồng; giá trị phần đất diện tích 77,4m^2 do ông C có trách nhiệm hoàn trả một phần là 361.845.000 đồng. Tổng cộng: 4.850.290.564 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của cụ Nguyễn Kim Q (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Ph1, S, Đ, D, L1). Tuyên bố di chúc ngày 13/10/2009 của cụ Q có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ Q, vô hiệu đối với phần tài sản của cụ Liêm mà cụ Q định đoạt trong di chúc.

4. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị Mỹ Ph1 về việc chia thừa kế số tiền bồi thường khi nâng cấp tỉnh lộ 943 và chia thừa kế số tiền này.

5. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh S. Buộc ông Nguyễn Việt C có trách nhiệm trả giá trị 68,6 m^2 đất là 320.075.000 đồng và chia thừa kế số tiền này. Ông C được tiếp tục quản lý sử dụng 68,6 m^2 được giới hạn bởi các điểm 7-8-21-77-68-67-66-65 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 03/2/2020.

6. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần Thanh S về việc đòi ông Ch, bà Ph1 có trách nhiệm trả lại phần đất có diện tích 1.246,3 m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ch.

7. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông S về việc rút yêu cầu, không tranh chấp đối với phần đất 22.000 m^2 tọa lạc tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

8. Những người có tên được hưởng tài sản thừa kế, cụ thể như sau:

8.1 Di sản 1:

- Ông Trần Thanh S được nhận nhà và đất (phủ thờ) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 03/2/2020, diện tích 927m^2 (đã khấu trừ 77,4m^2 ông C quản lý sử dụng nêu trên), trên đất có hai căn nhà nhà số 1 có diện tích 153,2m^2, căn nhà 2 có diện tích 259,2m^2.

- Ông S có trách nhiệm hoàn trả giá trị:

Ông S có trách nhiệm hoàn trả cho bà Ph1 613.775.660 đồng;

Ông S có trách nhiệm hoàn trả cho các ông bà L1, Đ, D mỗi người 488.916.760 đồng;

8.2 Di sản 2: (có giá trị 866.115.9463 đồng, ông S đã nhận bồi thường 253.500.000 đồng, kho bạc còn giữ 612.615.946 đồng).

- Giá trị: Phần ông Liêm được chia theo pháp luật cho 02 người thừa kế, cụ thể: 433.057.973 đồng/5 = 86.611.594 đồng.

Phần bà Q chia theo di chúc 433.057.973 đồng/2 = 216.528.986 đồng.

- Số tiền được nhận: Số tiền 612.615.946 đồng kho bạc đang quản lý. Ông S được nhận 49.640.580 đồng; bà Ph1 được nhận 303.140.580 đồng; ông Đ, bà D, bà L1 mỗi người nhận 86.611.594 đồng.

8.3 Di sản 3: Đất lúa

Ông Trần Thanh S diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 15, 16, 17, 18;

Ông Trần Thành Đ diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích do hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 14, 15;

Bà Trần Thị Mỹ D diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích do hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các diểm 3, 4, 5, 12, 13, 14;

Bà Trần Thị Mỹ L1 diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích do hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 5, 6, 9, 10, 11, 12;

Bà Trần Thị Mỹ Ph1 diện tích 3.093,4m^2 theo Bản trích do hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 8, 9.

8.4 Di sản 4: Đất ông C ở nhờ có diện tích 77,4m^2, có giá trị 4.675.000đồng/m^2 bằng 361.845.000 đồng. Ông C phải trả cho các đồng thừa kế S, Ph1, Đ, D, L1 mỗi người là 361.845.000 đồng/5=72.369.000 đồng.

9. Bản trích đo hiện trạng ngày 03/02/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên và bản vẽ xác định diện tích ngày 23/01/2013 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn là 01 phần không tách rời của bản án.

10. Ông S, ông C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

11. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Do có sửa án sơ thẩm nên kháng cáo của Trần Thị Mỹ L1, Trần Thành Đ, Trần Thị Mỹ D, Trần Thị Mỹ Ph1 và Trần Thanh S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

12. Về chi phí thẩm định, các đương sự đã thống nhất ở tòa sơ thẩm không có tranh chấp, không có kháng cáo nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị Mỹ Ph1, bà Trần Thị Mỹ L1, ông Trần Thành Đ, bà Trần Thị Mỹ D và ông Trần Văn S kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của các ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Bà Trần Thị Mỹ Ph1, bà Trần Thị Mỹ L1 ủy quyền cho ông Trần Danh M theo Giấy ủy quyền ngày 25/01/2022 và ngày 27/4/2022. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 138 và Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Ông Nguyễn Việt C ủy quyền cho ông Trần Danh M theo Giấy ủy quyền ngày 25/01/2022. Tuy nhiên, tranh chấp giữa bà Ph1 và bà L1 đối lập với ông C nên Giấy ủy quyền ngày 25/01/2022 không được chấp nhận, ông C trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Ông Trần Văn M1, ông Nguyễn Văn Th2, Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh An Giang đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Thành Kh, ông Nguyễn Thành H, anh Nguyễn Thành N, ông Trần Quốc Th1, ông Trần Thái T, bà Hồ Thị T1, ông Trần Văn D1, ông Phan Văn D1, anh Trần Thanh Ph2, anh Trần Anh Ph3, chị Nguyễn Kim Nhàn, anh Phạm Tấn Thành, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có Đơn yêu cầu được vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ Ph1, bà Trần Thị Mỹ L1, ông Trần Thành Đ, bà Trần Thị Mỹ D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét lại một phần Bản án số 49/2021/DS-ST ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đối với phần đất diện tích 31.055m^2 được chia cho 5 anh em mỗi người được nhận diện tích 6.211m^2 để canh tác nuôi sống gia đình. Bị đơn là ông Trần Văn S giữ nguyên một phần kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét phần đất của ông Nguyễn Việt C đang ở theo Chứng thư thẩm định giá số 481/BĐS/2021/CT.ĐA ngày 29/10/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á và chia thừa kế cho các anh em, ông đồng ý giao đất cho ông C tiếp tục ở. Ông S xin rút một phần yêu cầu được chia thêm công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản và khoản tiền bồi hoàn đất. Về kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định từng nội dung như sau:

[3] Về kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Ph1, bà L1, ông Đ, bà D đối với phần đất diện tích 35.433 m^2, tờ bản đồ số 6, thửa đất số 348, mục đích sử dụng đất 2L, tọa lạc tại xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Đất đã được UBND huyện Thoại Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01780 QSDĐ/hA ngày 10/01/2002 cho cụ Trần Văn Liêm, hiện nay ông Ch, bà Ph1 quản lý và cho người khác thuê. Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 23/01/2013 có diện tích 31.055m^2. Tuy nhiên, tại Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 08/10/2021 có diện tích 30.935m^2, nguyên nhân diện tích đất bị giảm là do múc kênh. Các đương sự đều thống nhất diện tích và di sản trị giá (30.935m^2 x 30.000đ/m^2) 928.050.000 đồng

được chia cho cụ Liêm và cụ Q mỗi người có diện tích 15.467,50m^2 trị giá 464.025.000 đồng. Di sản của cụ Liêm được chia theo pháp luật cho 5 người gồm ông S, bà Ph1, bà Hiệp (đã chết) có thừa kế thế vị là bà L1, ông Đ, bà D mỗi người có diện tích 3.093,50m^2 và di sản của cụ Q được chia theo di chúc cho 4 người gồm ông S, bà Hiệp (đã chết) có thừa kế thế vị là bà L1, ông Đ, bà D mỗi người có diện tích 3.866,87m^2. Cấp sơ thẩm giao đất cho ông S quản lý, sử dụng và hoàn giá trị cho các thừa kế khác nhưng bà Ph1, bà L1, ông Đ, bà D kháng cáo yêu cầu được nhận đất để sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận giao đất cho các ông bà sử dụng gồm: ông S diện tích 6.960,4m^2 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 15, 16, 17, 18; ông Đ diện tích 6.960,4m^2 được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 14, 15; bà D diện tích 6.960,4m^2 được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 12, 13, 14; bà L1 diện tích 6.960,4m^2 được giới hạn bởi các điểm 5, 6, 9, 10, 11, 12 và bà Ph1 diện tích 3.093,4m^2 được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 8, 9 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn lập ngày 08/10/2021 nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về kháng cáo của ông S đối với phần đất diện tích 77,4m^2 do ông C ở nhờ theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 03/02/2020 và Công văn số 89/CNLX-KT ngày 01/6/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên được giới hạn bởi các điểm 7, 8, 21, 77, 68, 67, 66, 65. Ông C thừa nhận ở nhờ trên đất của cụ Liêm và cụ Qưới. Tuy nhiên, ông C cho rằng hiện nay ngoài chỗ ở này ra ông C không còn chỗ ở nào khác nên yêu cầu được ổn định căn nhà đã cất trên phần đất diện tích 77,4 m^2 và đồng ý hoàn trả giá trị là 12.229.200 đồng cho các đồng thừa kế nhưng ông S không đồng ý. Theo Chứng thư thẩm định giá số 481 BĐS/2021/CT.ĐA ngày 29/10/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á thể hiện đất trị giá 361.845.000 đồng. Xét thấy, ông C cất nhà ở trên đất từ năm 1989 đến nay, hiện nay ngoài căn nhà này ra ông C không còn phần đất nào khác để di dời nhà và bà Ph1, bà L1, ông Đ, bà D, ông S đều đồng ý giao đất cho ông C quản lý sử dụng và hoàn giá trị cho các đồng thừa kế. Thời gian ông C quản lý, sử dụng đất còn là hầm hố, kênh rạch và ông C đã có công tôn tạo, quản lý, giữ gìn làm tăng giá trị đất nên cần trích cho ông C một phần công sức đóng góp với số tiền 120.615.000 đồng nên ông C phải giao lại số tiền 241.230.000 đồng để chia thừa kế theo pháp luật cho ông S, bà Ph1, bà L1, ông Đ, bà D mỗi người với số tiền 48.246.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S xin rút một phần kháng cáo về yêu cầu chia thêm phần công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn tài sản đối với căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 927m^2 và khoản tiền bồi thường do nâng cấp tỉnh lộ 943. Xét việc rút một phần kháng cáo của ông S là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với khoản 1 Điều 312 và khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của ông S.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Ph1, bà L1, ông Đ, bà D, ông S và đình chỉ một phần kháng cáo của ông S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Luật sư bảo vệ cho ông S tại phiên tòa.

[5] Về chi phí tố tụng: Các đương sự tự nguyện nộp chi phí tố tụng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông S phải nộp 47.219.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005073 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên ông S còn phải nộp thêm 46.919.000 đồng.

Bà Ph1 phải nộp 43.738.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005074 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên bà Ph1 còn phải nộp thêm 37.488.000 đồng.

Ông Đ, bà D và bà L1 mỗi người phải nộp 36.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C phải nộp 12.061.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ph1, ông S, ông Đ, bà D, bà L1 được nhận lại 200.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 002391 ngày 06/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà Ph1, ông Đ, bà D, bà L1, ông S được chấp nhận nên các ông bà không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Các ông bà mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2, 5 Điều 308, khoản 1 Điều 312, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 624, Điều 628, Điều 630, Điều 643, Điều 651, Điều 652, Điều 659, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh S về yêu cầu chia thêm phần công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn đối với căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 927m^2 và khoản tiền bồi thường do nâng cấp tỉnh lộ 943.

3. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ Ph1, bà Trần Thị Mỹ L1, ông Trần Thành Đ, bà Trần Thị Mỹ D, ông Trần Văn S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Liêm và cụ Nguyễn Kim Quới gồm: bà Trần Thị Mỹ Ph1, ông Trần Thanh S, bà Trần Thị Mỹ Hiệp (đã chết) có thừa kế thế vị là bà Trần Thị Mỹ L1 (con ruột), ông Trần Thành Đ và bà Trần Thị Mỹ D (con nuôi).

5. Xác định tài sản thừa kế của cụ Trần Văn Liêm và cụ Nguyễn Kim Quới là 02 căn nhà + nhà vệ sinh trị giá 449.435.600 đồng gắn liền với phần đất diện tích 927m^2 trị giá 2.194.866.000 đồng; phần đất ruộng diện tích 30.935m^2 trị giá 928.050.000 đồng; số tiền 866.115.946 đồng bồi thường do nâng cấp tỉnh lộ 943; giá trị phần đất diện tích 77,4m^2 do ông Nguyễn Việt C có trách nhiệm hoàn trả là 241.230.000 đồng. Tổng cộng: 4.679.697.546 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của cụ Nguyễn Kim Quới (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Ph1, S, Đ, D, L1). Tuyên bố di chúc ngày 13/10/2009 của cụ Quới có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ Q, vô hiệu đối với phần tài sản của cụ Liêm mà cụ Q định đoạt trong di chúc.

7. Ông Trần Thanh S được sở hữu 02 căn nhà và nhà vệ sinh gắn liền với phần đất diện tích 927m^2, tọa lạc tại khóm Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 03/02/2020 và Công văn số 89/CNLX-KT ngày 01/6/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên được giới hạn bởi các điểm 83, 3, 7, 65, 66, 67, 68, 77, 20, 53, 27, 29, 28, 81, 82 trị giá 2.694.301.600 đồng.

Ông Trần Thanh S phải có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỹ phần cho bà Trần Thị Mỹ Hiệp (Đã chết) có thừa kế thế vị là bà Trần Thị Mỹ L1, ông Trần Thành Đ và bà Trần Thị Mỹ D mỗi người với số tiền 488.916.760 đồng;

Ông Trần Thanh S phải có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỹ phần cho bà Trần Thị Mỹ Ph1 với số tiền 613.775.660 đồng;

Ông Trần Thanh S được tiếp tục sở hữu số tiền 613.775.660 đồng.

8. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị Mỹ Ph1 về số tiền 866.115.946 đồng bồi thường do nâng cấp tỉnh lộ 943, trong đó ông Trần Thanh S đã nhận số tiền 253.500.000 đồng và Kho bạc Nhà nước đang quản lý số tiền 612.615.946 đồng. Di sản được chia thừa kế như sau:

Ông Trần Thanh S được tiếp tục sở hữu số tiền 253.500.000 đồng đã nhận và ông Trần Thanh S được nhận thêm số tiền 49.640.580 đồng;

Bà Trần Thị Mỹ Ph1 được nhận số tiền 303.140.580 đồng

Bà Trần Thị Mỹ L1, ông Trần Thành Đ và bà Trần Thị Mỹ D mỗi người được nhận số tiền 86.611.594 đồng;

9. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thanh S.

Ông Nguyễn Việt C được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 77,4m^2 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 03/02/2020 được giới hạn bởi các điểm 7, 8, 21, 77, 68, 67, 66, 65 và Công văn số 89/CNLX-KT ngày 01/6/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên trị giá 361.845.000 đồng.

Trích công sức đóng góp tôn tạo, bảo quản, giữ gìn làm tăng giá trị đất của ông Nguyễn Việt C với số tiền 120.615.000 đồng.

Ông Nguyễn Việt C phải có nghĩa vụ trả giá trị đất và chia di sản thừa kế cho ông Trần Thanh S, bà Trần Thị Mỹ Ph1, bà Trần Thị Mỹ Hiệp (đã chết) có thừa kế thế vị là bà Trần Thị Mỹ L1, ông Trần Thành Đ, bà Trần Thị Mỹ D mỗi người số tiền 48.246.000 đồng;

10. Đối với phần đất diện tích 35.433m^2, tờ bản đồ số 6, thửa đất số 348, mục đích sử dụng đất 2L, tọa lạc tại xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Thoại Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01780 QSDĐ/hA ngày 10/01/2002 cho cụ Trần Văn Liêm. Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn lập ngày 08/10/2021 có diện tích 30.935m^2 trị giá 928.050.000 đồng. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự về phân chia phần đất diện tích 30.935m^2 như sau:

Ông Trần Thanh S diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 1,2,15,16,17,18 trị giá 208.812.000 đồng;

Ông Trần Thành Đ diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 2,3,14,15 trị giá 208.812.000 đồng;

Bà Trần Thị Mỹ D diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,12,13,14 trị giá 208.812.000 đồng;

Bà Trần Thị Mỹ L1 diện tích 6.960,4m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 5,6,9,10,11,12 trị giá 208.812.000 đồng;

Bà Trần Thị Mỹ Ph1 diện tích 3.093,4m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/10/2021 được giới hạn bởi các điểm 6,7,8,9 trị giá 92.802.000 đồng.

11. Bản trích đo hiện trạng ngày 03/02/2020, Công văn số 89/CNLX-KT ngày 01/6/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên và Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn lập ngày 08/10/2021 là một phần không tách rời của bản án.

12. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

13. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần Thanh S về việc đòi ông Ch và bà Ph1 có trách nhiệm trả lại phần đất diện tích 1.246,3m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ch.

14. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông S về việc rút yêu cầu, không tranh chấp đối với phần đất diện tích 22.000m^2, tọa lạc tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

15. Chi phí tố tụng: Các đương sự tự nguyện nộp chi phí tố tụng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

16. Về án phí dân sự sơ thẩm:

16.1 Ông Trần Thanh S phải nộp 47.219.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005073 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên ông S còn phải nộp thêm 46.919.000 đồng.

16.2 Bà Trần Thị Mỹ Ph1 phải nộp 43.738.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được trừ vào 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005074 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên bà Ph1 còn phải nộp thêm 37.488.000 đồng.

16.3 Ông Trần Thanh Đ, bà Trần Thị Mỹ D và bà Trần Thị Mỹ L1 mỗi người phải nộp 36.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

16.4 Ông Nguyễn Việt C phải nộp 12.061.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

16.5 Bà Ph1, ông S, ông Đ, bà D, bà L1 được nhận lại 200.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 002391 ngày 06/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

17. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ph1, ông Đ, bà D, bà L1, ông S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Các ông bà mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai thu số 0002122; 0002125; 0002123; 0002124 cùng ngày 01/4/2021 và 0002138 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- TAND TP.Long Xuyên;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo **Caio Minh Lễ** **Trần Thị Thúy Hà**